

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 01 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 554/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Kiều M, sinh năm 1985

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1982

Các đương sự cùng cư trú tại: Ấp TĐA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Đỗ Kiều M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Kiều M và anh Trần Văn T tổ chức đám cưới vào ngày 12/02/2003 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị M sống làm dâu bên gia đình anh T tại ấp TĐA, xã TT được bốn năm thì sống riêng. Trong quá trình chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được, chị M và anh T đã ly thân nhau khoảng ba tháng nay. Nay chị M yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Bảo D, sinh ngày 18/02/2005 và Trần Khánh D, sinh ngày 04/4/2009 hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi Khánh D, Bảo D giao cho anh T nuôi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

** Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Về ngày tháng năm tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân theo như chị M trình bày là đúng. Nay chị M xin ly hôn anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh Trần Văn T đồng ý nuôi dưỡng Bảo D, giao Khánh D cho chị M nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Kiều M và anh Trần Văn T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Kiều M và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị M có yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại “*Biên bản về việc ghi ý kiến của con chung đề ngày 06/01/2020*” tại Tòa án cháu Bảo D có nguyện vọng xin được ở với cha là Trần Văn T, cháu Khánh D có nguyện vọng được ở với mẹ là Đỗ Kiều M là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và anh T giao cháu Trần Bảo D cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Khánh D cho chị Đỗ Kiều M nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh T tự thỏa thuận, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị M và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đỗ Kiều M và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Bảo D (nam), sinh ngày 18/02/2005 cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao Trần Khánh D (nam), sinh ngày 04/4/2009 cho chị Đỗ Kiều M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

2.2. Chị Đỗ Kiều M và anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Kiều M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010053 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Đỗ Kiều M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

